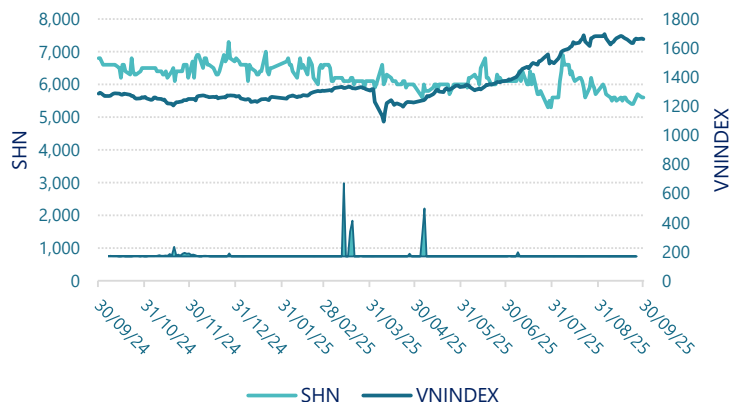


CTCP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (HNX: SHN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	5,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,300
SL cổ phiếu LH	129,607,147
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,005
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	726
P/E	77.4
EPS	72

DT thuần

Q3/25

421

tỷ VNĐ

QoQ: ▼685 | -61.9%

YoY: ▼113 | -21.1%

LN sau thuế

Q3/25

-3.18

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.3 | -145%

YoY: ▼3.82 | -598%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

12.4%

+/- YoY: ▲ 2.0%

DT thuần

9T 2025

2,637

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 72.0 | 2.8%

LN sau thuế

9T 2025

8.28

tỷ VNĐ

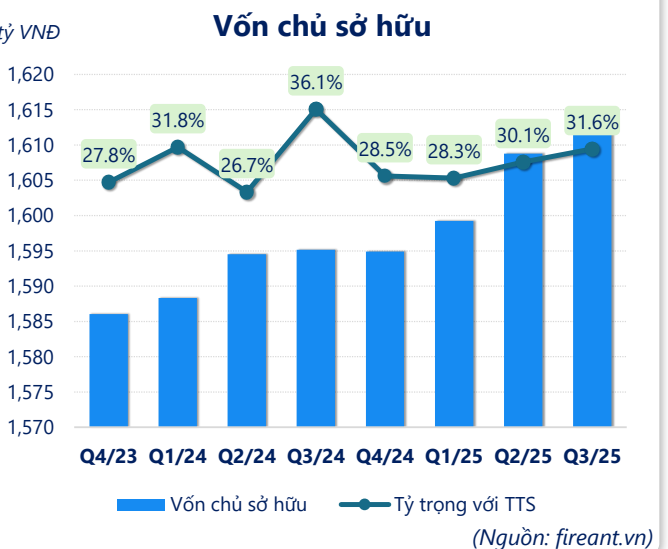
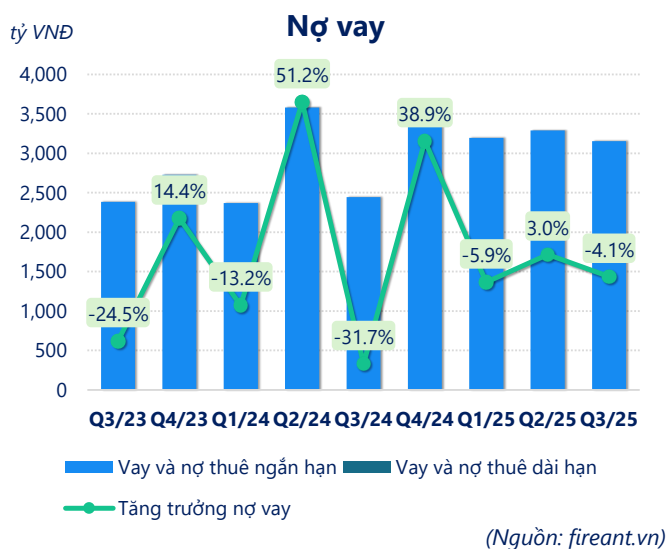
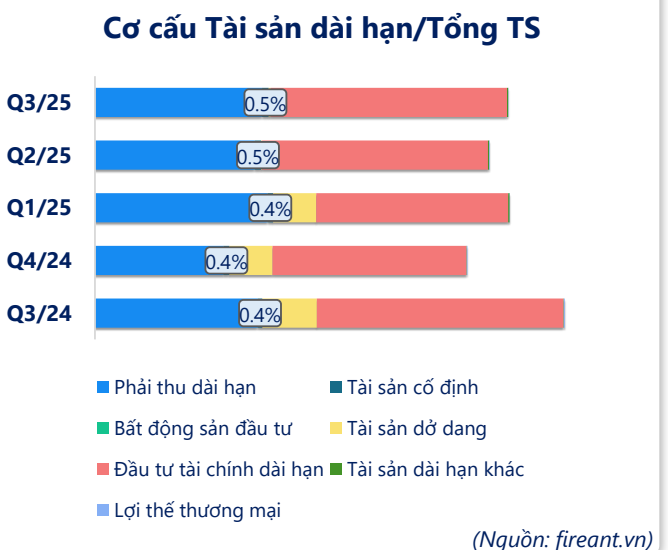
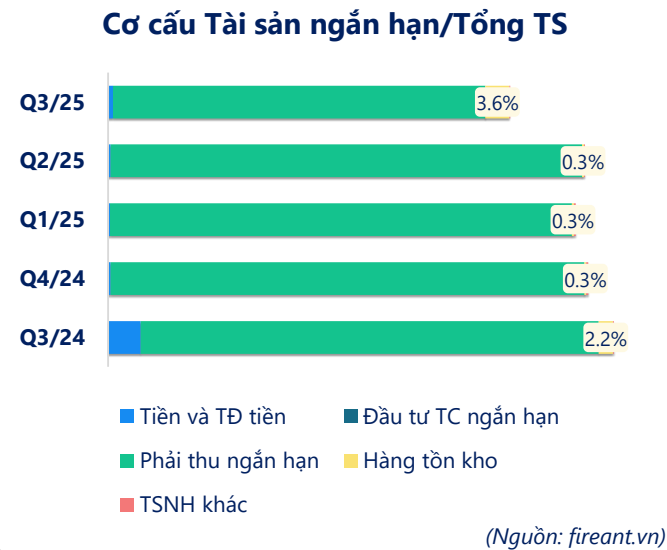
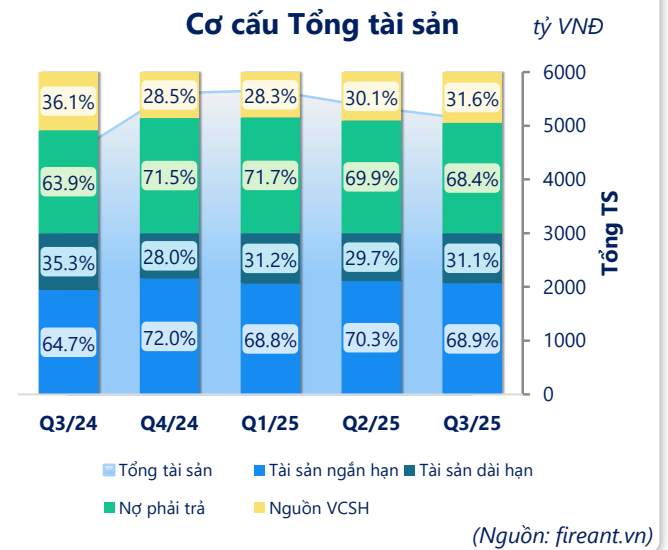
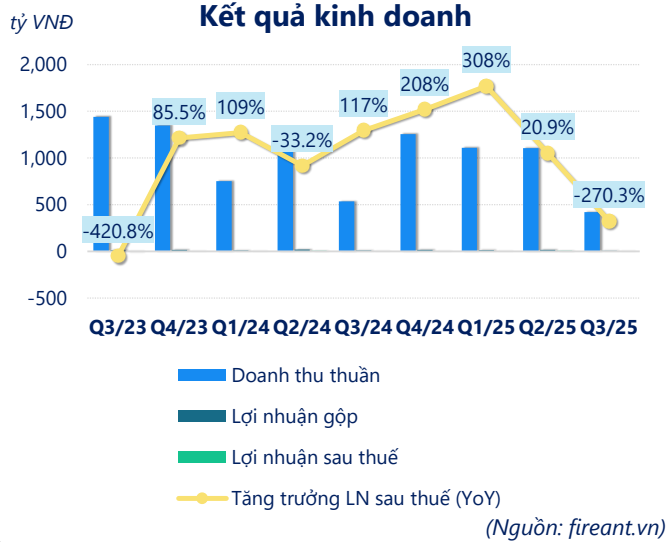
YoY: ▼0.81 | -8.9%

ROE

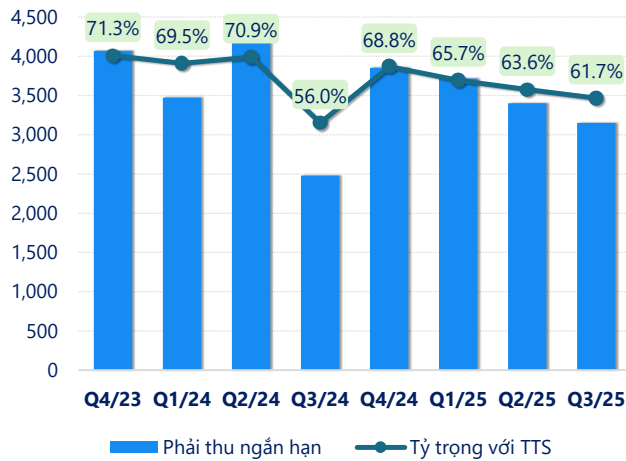
Q3/25

0.6%

+/- YoY: ▲ 0.2%

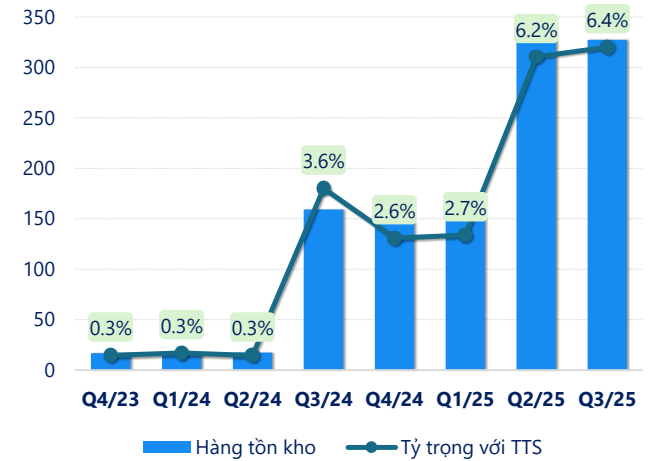


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


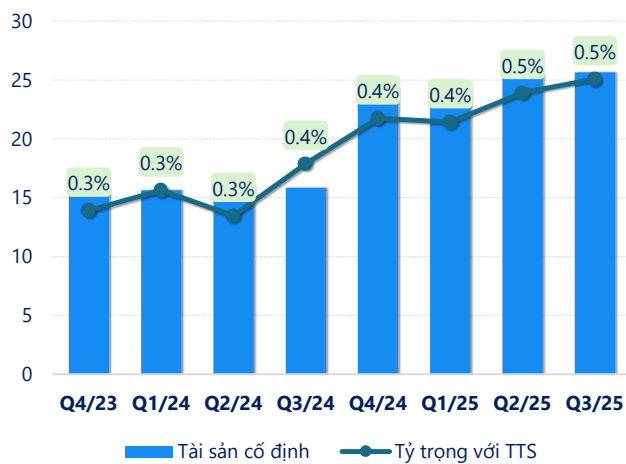
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


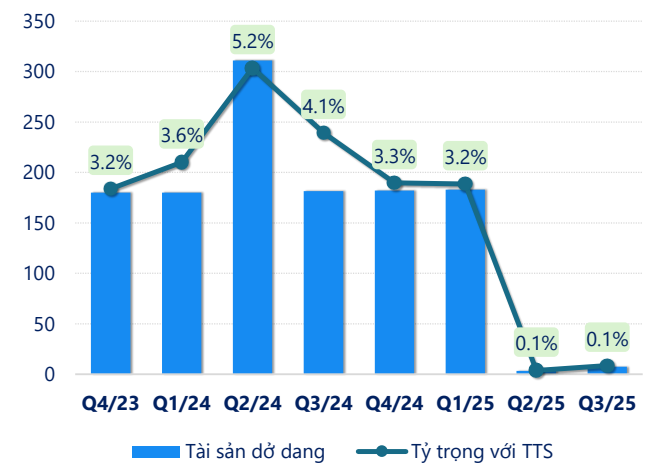
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

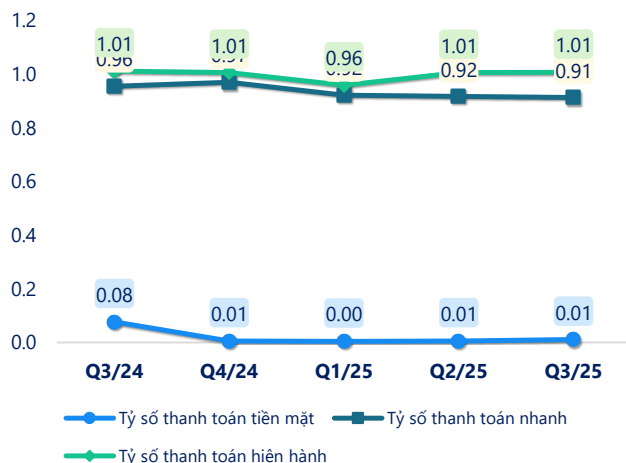
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

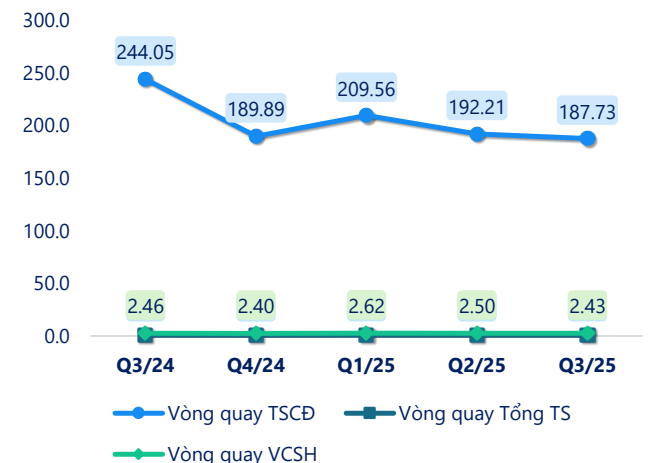
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	4,424	5,601	5,661	5,348	5,114
Tài sản ngắn hạn	2,861	4,031	3,893	3,760	3,522
Tiền và tương đương tiền	217	22.0	16.8	21.0	38.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0.40	0.40	0.40
Phải thu ngắn hạn	2,479	3,852	3,716	3,400	3,153
Hàng tồn kho	159	147	152	332	327
Tài sản ngắn hạn khác	5.47	10.9	7.85	6.19	3.78
Tài sản dài hạn	1,563	1,570	1,768	1,588	1,591
Phải thu dài hạn	541	542	735	643	643
Tài sản cố định	15.8	24.4	24.3	25.6	25.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	182	182	183	3.41	7.57
Đầu tư tài chính dài hạn	821	818	818	909	909
Tài sản dài hạn khác	0.74	1.19	5.64	5.06	4.61
Lợi thế thương mại	2.75	2.52	2.29	2.06	1.83
Nợ phải trả	2,829	4,006	4,061	3,739	3,500
Nợ ngắn hạn	2,829	4,006	4,061	3,739	3,500
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,444	3,396	3,196	3,290	3,156
Phải trả người bán ngắn hạn	270	509	746	330	223
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,595	1,595	1,599	1,609	1,614
Vốn chủ sở hữu	1,595	1,595	1,599	1,609	1,614
Vốn điều lệ	1,296	1,296	1,296	1,296	1,296
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)